



www.FencingTime.com

男子フルーレ

Competitor List

MF

Tournament: PROUD NUMAZU CUPフェンシング選手権小学生大会

Date: 2020年11月21日 - 12:45

#	Name	Clubs	Country	Rank
1	ハロウス 禄	青山クラブ		
2	安井 朱雀 (E)	柿の木台スケルマ		99
3	安西 一真	杉並ジュニアFT		
4	安西 笙真	杉並ジュニアFT		
5	安達 奏人	宇都宮FC		
6	安武 龍杜	鹿児島JFC		
7	井下田 ノア一輝	ALAIN ESCRIME TEAM DE TOKYO		
8	稲葉 光	鳥羽FC		
9	羽田 光洋	鹿児島JFC		
10	臼井 俊太郎	大垣JFC		
11	衛藤 主税	JF大分		
12	榎本 絃人 (S)	青山クラブ		
13	奥山 壘 (E)	香川JFC		
14	加藤 琉亜	KIRI.JR FT		
15	加藤 良成	はしまモア FC		
16	河邊 大晟	京都きつず		
17	蒲田 璃音	大垣JFC		
18	鎌田 悠伸	鹿児島JFC		
19	吉永 虎大	鹿児島JFC		
20	宮浜 嘉惟	鳥羽FC		
21	牛村 和史	KIRI.JR FT		
22	橋本 惇太郎	京都FFC		
23	金井 惺 (E)	沼田FC		
24	金刺 慶一郎	東京ガーデンFC		99
25	後藤 満天	明石JFC		
26	幸田 朋優	KIRI.JR FT		
27	高橋 航佑	明石JFC		
28	高橋 由宇 (S)	RITZ FA		
29	根本 幹哉	大穴FC		
30	佐伯 真 (S)	沼田FC		
31	佐野 直太郎	沼津FC		99
32	三浦 宗太郎	東郷FC		
33	三浦 聡介	東京YMCA		
34	山下 翔生	はしまモア FC		
35	山形 啓輔	青山クラブ		
36	山本 真士	大阪読売千里クラブ		
37	志賀 世怜 (S)	沼田FC		99
38	室伏 広容	ざくらFC		
39	小久保 有唯 (S)	鳥羽FC		
40	小野 佑嘉 (S)	JF大分		
41	松田 悠源	トゥッティFC		
42	松尾 蘭之亮	京都FFC		
43	仁司 次元 (E)	東郷FC		
44	菅家 知大 (E)	青山クラブ		
45	西川 尚希	東郷FC		
46	石山 慶将 (E)	大穴FC		
47	石田 望晟	RITZ FA		
48	浅海 結哉 (E)	埼玉エスクリム		
49	浅間 皇輝	トゥッティFC		
50	前田 将志	東京ガーデンFC		
51	倉園 隼	鹿児島JFC		
52	村田 碧翔 (E)	鳥取JFC		
53	大野 達矢	ざくらFC		
54	中野 考基	大阪読売千里クラブ		
55	長浦 和希	京都FFC		
56	長嶋 翼	津・みえFC		
57	田代 圭 (S)	NEXUS FC		99
58	田中 知樹	山梨JF		
59	田中 悠貴	RITZ FA		
60	田中 遼大 (S)	鳥取JFC		
61	渡辺 裕	河南町FC		
62	渡辺 陽成	大垣JFC		
63	渡辺 陽斗	大垣JFC		
64	土田 悠人	RITZ FA		
65	難波 周	トゥッティFC		
66	二宮 遼仁	鹿児島JFC		
67	日浦 維吹 (E)	青山クラブ		
68	日比 俊太郎	青山クラブ		
69	日比 亮太郎	青山クラブ		

#	Name	Clubs	Country	Rank
70	馬淵 朝日	はしまモア FC		
71	梅谷 倫	名電ジュニア		
72	白男川 瞬	大阪読売千里クラブ		
73	畑 雄太	青山クラブ		
74	飯村 要	京都FFC		
75	布川 恵大	東京ガーデンFC		
76	風呂 陸斗	大阪読売千里クラブ		
77	平墳 葵温	大垣JFC		
78	米山 怜旺	大垣JFC		99
79	牧野 翼	大垣JFC		
80	木村 泰悠	沼津FC		
81	鈴木 啓太郎 (E)	DFA		
82	鈴木 諒 (E)	杉並ジュニアFT		
83	齋藤 柊羽	東京ガーデンFC		



www.FencingTime.com

男子フルーレ

Seeding for Round #1 - Pool

MF

Tournament: PROUD NUMAZU CUPフェンシング選手権小学生大会
 Date: 2020年11月21日 - 12:45
 FIE Document: FE_FIE_0001.2

Seed	Name	Club	Country	Rank	Notes
1	佐野 直太郎	沼津FC		99	
2	田代 圭 (S)	NEXUS FC		99	
3	志賀 世怜 (S)	沼田FC		99	
4	米山 怜旺	大垣JFC		99	
5	安井 朱雀 (E)	柿の木台スケルマ		99	
6	金刺 慶一郎	東京ガーデンFC		99	
7	奥山 塁 (E)	香川JFC			
8	三浦 宗太郎	東郷FC			
9	田中 遼大 (S)	鳥取JFC			
10	佐伯 真 (S)	沼田FC			
11	安武 龍杜	鹿児島JFC			
12	山下 翔生	はしまア FC			
13	加藤 良成	はしまア FC			
14	土田 悠人	RITZ FA			
15	木村 泰悠	沼津FC			
16	田中 知樹	山梨JF			
17	梅谷 倫	名電ジュニア			
18	畑 雄太	青山クラブ			
19	石山 慶将 (E)	大穴FC			
20	牧野 翼	大垣JFC			
21	布川 恵大	東京ガーデンFC			
22	牛村 和史	KIRI.JR FT			
23	安西 一真	杉並ジュニアFT			
24	渡辺 裕	河南町FC			
25	鈴木 啓太郎 (E)	DFA			
26	長浦 和希	京都FFC			
27	日比 俊太郎	青山クラブ			
28	村田 碧翔 (E)	鳥取JFC			
29	衛藤 主税	JF大分			
30	難波 周	トウティFC			
31	日比 亮太郎	青山クラブ			
32	菅家 知大 (E)	青山クラブ			
33	臼井 俊太郎	大垣JFC			
34	倉園 隼	鹿児島JFC			
35	三浦 聡介	東京YMCA			
36	高橋 航佑	明石JFC			
37	山本 真士	大阪読売千里クラブ			
38	河邊 大晟	京都市きず			
39	小久保 有唯 (S)	鳥羽FC			
40	安西 笙真	杉並ジュニアFT			
41	榎本 絃人 (S)	青山クラブ			
42	大野 達矢	さくらFC			
43	橋本 惇太郎	京都FFC			
44	鎌田 悠伸	鹿児島JFC			
45	二宮 遼仁	鹿児島JFC			
46	金井 慥 (E)	沼田FC			
47	加藤 琉亜	KIRI.JR FT			
48	西川 尚希	東郷FC			
49	鈴木 諒 (E)	杉並ジュニアFT			
50	安達 奏人	宇都宮FC			
51	風呂 陸斗	大阪読売千里クラブ			
52	室伏 広容	さくらFC			
53	高橋 由宇 (S)	RITZ FA			
54	渡辺 陽斗	大垣JFC			
55	長嶋 翼	津・みえFC			
56	羽田 光洋	鹿児島JFC			
57	吉永 虎大	鹿児島JFC			
58	田中 悠貴	RITZ FA			
59	浅間 皇輝	トウティFC			
60	石田 望晟	RITZ FA			
61	小野 佑嘉 (S)	JF大分			
62	根本 幹哉	大穴FC			
63	松尾 蘭之亮	京都FFC			
64	蒲田 璃音	大垣JFC			
65	井下田 ノア輝	ALAIN ESCRIME TEAM DE TOKYO			
66	飯村 要	京都FFC			
67	バロウス 祿	青山クラブ			
68	日浦 維吹 (E)	青山クラブ			

Seed	Name	Club	Country	Rank	Notes
69	中野 考基	大阪読売千里クラブ			
70	宮浜 嘉惟	鳥羽FC			
71	仁司 次元 (E)	東郷FC			
72	山形 啓輔	青山クラブ			
73	平塚 葵温	大垣JFC			
74	後藤 満天	明石JFC			
75	前田 将志	東京ガーデンFC			
76	浅海 結哉 (E)	埼玉エスクリム			
77	渡辺 陽成	大垣JFC			
78	齋藤 柊羽	東京ガーデンFC			
79	白男川 瞬	大阪読売千里クラブ			
80	松田 悠源	トゥッティFC			
81	幸田 朋優	KIRI.JR FT			
82	馬淵 朝日	はしまモア FC			
83	稲葉 光	鳥羽FC			



www.FencingTime.com

男子フルーレ Round #1 Pool Results

MF

Tournament: PROUD NUMAZU CUPフェンシング選手権小学生大会
Date: 2020年11月21日 - 12:45
FIE Document: FE_FIE_0007

1	Strip 1	Referee(s): 森田 篤哉 (JPN)
	12:45	

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	6	V	V/M	TS	TR	Ind
羽田 光洋	鹿児島JFC	1		D4	V5	V5	V5	D2	3	0.60	21	15	6
村田 碧翔 (E)	鳥取JFC	2	V5		V5	V5	D3	D4	3	0.60	22	16	6
衛藤 主税	JF大分	3	D2	D2		V5	D1	D1	1	0.20	11	23	-12
仁司 次元 (E)	東郷FC	4	D2	D0	D3		D1	D1	0	0.00	7	25	-18
佐野 直太郎	沼津FC	5	D1	V5	V5	V5		D4	3	0.60	20	15	5
土田 悠人	RITZ FA	6	V5	V5	V5	V5	V5		5	1.00	25	12	13

2	Strip 2	Referee(s): 濱野 理 (JPN)
	12:45	

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	6	V	V/M	TS	TR	Ind
日比 俊太郎	青山クラブ	1		D0	D1	D3	D0	D1	0	0.00	5	25	-20
難波 周	トウツティFC	2	V5		D2	V5	D4	D0	2	0.40	16	18	-2
吉永 虎大	鹿児島JFC	3	V5	V4		D3	D1	D1	2	0.40	14	18	-4
長嶋 翼	津・みえFC	4	V5	D4	V5		D0	D4	2	0.40	18	21	-3
田代 圭 (S)	NEXUS FC	5	V5	V5	V5	V5		D1	4	0.80	21	10	11
平墳 葵温	大垣JFC	6	V5	V5	V5	V5	V5		5	1.00	25	7	18

3	Strip 3	Referee(s): 天利 哲也 (JPN)
	12:45	

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	6	V	V/M	TS	TR	Ind
長浦 和希	京都FFC	1		D4	D1	D4	V5	V5	2	0.40	19	20	-1
渡辺 陽斗	大垣JFC	2	V5		D1	V5	V5	V5	4	0.80	21	16	5
志賀 世怜 (S)	沼田FC	3	V5	V5		V5	V5	V5	5	1.00	25	2	23
後藤 満天	明石JFC	4	V5	D4	D0		D2	D3	1	0.20	14	24	-10
日比 亮太郎	青山クラブ	5	D2	D1	D0	V5		D4	1	0.20	12	22	-10
齋藤 柊羽	東京ガーデンFC	6	D3	D2	D0	V5	V5		2	0.40	15	22	-7

4	Strip 4	Referee(s): 廣岡 晴夫 (JPN)
	12:45	

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	6	V	V/M	TS	TR	Ind
菅家 知大 (E)	青山クラブ	1		D0	D0	D0	D0	D0	0	0.00	0	25	-25
鈴木 啓太郎 (E)	DFA	2	V5		D1	D0	D0	D0	1	0.20	6	20	-14
前田 将志	東京ガーデンFC	3	V5	V5		V5	V5	V5	5	1.00	25	6	19
高橋 由宇 (S)	RITZ FA	4	V5	V5	D0		D1	D3	2	0.40	14	14	0
米山 怜旺	大垣JFC	5	V5	V5	D4	V5		V4	4	0.80	23	9	14
小野 佑嘉 (S)	JF大分	6	V5	V5	D1	V4	D3		3	0.60	18	12	6

5	Strip 5	Referee(s): 福島 海斗 (JPN)
	12:45	

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	6	V	V/M	TS	TR	Ind
石田 望晟	RITZ FA	1		D2	D1	V5	D0	D1	1	0.20	9	19	-10
安井 朱雀 (E)	柿の木台スケルマ	2	V5		V5	V5	V5	V5	5	1.00	25	9	16
室伏 広容	さくらFC	3	V4	D1		V5	V5	V5	4	0.80	20	13	7
山形 啓輔	青山クラブ	4	D0	D0	D1		D2	D0	0	0.00	3	25	-22
渡辺 裕	河南町FC	5	V5	D4	D4	V5		V5	3	0.60	23	13	10
臼井 俊太郎	大垣JFC	6	V5	D2	D2	V5	D1		2	0.40	15	16	-1

6	Strip 6	Referee(s): 小林 勇氣 (JPN)
	12:45	

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	6	V	V/M	TS	TR	Ind
風呂 陸斗	大阪読売千里クラブ	1		V4	V5	D1	D0	V4	3	0.60	14	18	-4
根本 幹哉	大穴FC	2	D3		D1	V5	D4	D0	1	0.20	13	19	-6
浅海 結哉 (E)	埼玉エスクリム	3	D2	V5		V5	V5	D1	3	0.60	18	13	5
倉園 隼	鹿児島JFC	4	V5	D0	D0		D2	D1	1	0.20	8	21	-13
安西 一真	杉並ジュニアFT	5	V5	V5	D2	V5		V5	4	0.80	22	12	10
金刺 慶一郎	東京ガーデンFC	6	D3	V5	V5	V5	D1		3	0.60	19	11	8

7	Strip 7	Referee(s): 佐藤 武揚 (JPN) 満生 耀一朗 (JPN)
	12:45	

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	6	V	V/M	TS	TR	Ind
松尾 蘭之亮	京都FFC	1		D2	D0	D3	D0	V5	1	0.20	10	23	-13
三浦 聡介	東京YMCA	2	V5		V5	V5	D4	D1	3	0.60	20	17	3
奥山 壘 (E)	香川JFC	3	V5	D2		V5	D3	V3	3	0.60	18	12	6
牛村 和史	KIRI.JR FT	4	V5	D3	D1		D0	D1	1	0.20	10	23	-13
安達 奏人	宇都宮FC	5	V5	V5	V5	V5		D1	4	0.80	21	12	9
渡辺 陽成	大垣JFC	6	D3	V5	D1	V5	V5		3	0.60	19	11	8

8	Strip 8	Referee(s): 守口 一真 (JPN) 尾矢 陽太 (JPN)
	12:45	

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	6	V	V/M	TS	TR	Ind
布川 恵大	東京ガーデンFC	1		D0	V5	V5	V5	V5	4	0.80	20	7	13
白男川 瞬	大阪読売千里クラブ	2	V5		V5	V5	V5	V5	5	1.00	25	0	25
三浦 宗太郎	東郷FC	3	D0	D0		D3	V5	V5	2	0.40	13	18	-5
鈴木 諒 (E)	杉並ジュニアFT	4	D2	D0	V5		V5	V5	3	0.60	17	16	1
蒲田 璃音	大垣JFC	5	D0	D0	D3	D0		V5	1	0.20	8	23	-15
高橋 航佑	明石JFC	6	D0	D0	D0	D3	D3		0	0.00	6	25	-19

9	Strip 8	Referee(s): 守口 一真 (JPN) 尾矢 陽太 (JPN)

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	6	V	V/M	TS	TR	Ind
牧野 翼	大垣JFC	1		D1	V5	V5	D2	V5	3	0.60	18	20	-2
田中 遼大 (S)	鳥取JFC	2	V5		V5	V5	V5	V5	5	1.00	25	6	19
西川 尚希	東郷FC	3	D3	D0		D4	D0	D1	0	0.00	8	25	-17
山本 真士	大阪読売千里クラブ	4	D3	D0	V5		D0	D0	1	0.20	8	24	-16
井下田 ノア一輝	ALAIN ESCRIME TEAM DE TOKYO	5	V5	D4	V5	V5		V5	4	0.80	24	7	17
浅間 皇輝	トウツティFC	6	D4	D1	V5	V5	D0		2	0.40	15	16	-1

10	Strip 6	Referee(s): 小林 勇氣 (JPN) 山崎 大知 (JPN)

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	6	V	V/M	TS	TR	Ind
河邊 大晟	京都きつず	1		D2	D3	D4	V5	D4	1	0.20	18	23	-5
松田 悠源	トウツティFC	2	V5		D1	V5	V5	D1	3	0.60	17	12	5
飯村 要	京都FFC	3	V5	V5		V5	V5	D0	4	0.80	20	14	6
佐伯 真 (S)	沼田FC	4	V5	D0	D1		V5	D2	2	0.40	13	20	-7
石山 慶将 (E)	大穴FC	5	D3	D0	D4	D1		D1	0	0.00	9	25	-16
加藤 琉亜	KIRI.JR FT	6	V5	V5	V5	V5	V5		5	1.00	25	8	17

11	Strip 5	Referee(s): 福島 海斗 (JPN) 竹田 陸人 (JPN)

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	6	V	V/M	TS	TR	Ind
畑 雄太	青山クラブ	1		V5	V3	D2	D1	D1	2	0.40	12	21	-9
中野 考基	大阪読売千里クラブ	2	D4		D3	D2	D3	D1	0	0.00	13	25	-12
馬淵 朝日	はしまモア FC	3	D2	V5		D2	D2	D1	1	0.20	12	21	-9
金井 惺 (E)	沼田FC	4	V5	V5	V5		V5	V5	5	1.00	25	11	14
小久保 有唯 (S)	鳥羽FC	5	V5	V5	V5	D4		D3	3	0.60	22	16	6
安武 龍杜	鹿児島JFC	6	V5	V5	V5	D1	V5		4	0.80	21	11	10

12	Strip 4	Referee(s):
		廣岡 晴夫 (JPN) 弘瀬 智子 (JPN)

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	6	V	V/M	TS	TR	Ind
稲葉 光	鳥羽FC	1		V5	V5	D3	D1	V5	3	0.60	19	21	-2
山下 翔生	はしまモア FC	2	D4		D3	D2	D2	V5	1	0.20	16	24	-8
安西 笙真	杉並ジュニアFT	3	D3	V5		V5	D4	V5	3	0.60	22	14	8
バロウズ 祿	青山クラブ	4	V5	V5	D1		D0	D1	2	0.40	12	20	-8
二宮 遼仁	鹿児島JFC	5	V5	V5	V5	V5		V5	5	1.00	25	8	17
梅谷 倫	名電ジュニア	6	D4	D4	D0	V5	D1		1	0.20	14	21	-7

13	Strip 3	Referee(s):
		天利 哲也 (JPN)

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	6	V	V/M	TS	TR	Ind
鎌田 悠伸	鹿児島JFC	1		D1	V5	V5	V5	V5	4	0.80	21	12	9
幸田 朋優	KIRI.JR FT	2	V5		V5	V5	V5	V5	5	1.00	25	2	23
宮浜 嘉惟	鳥羽FC	3	D0	D1		D1	D4	D2	0	0.00	8	25	-17
榎本 絃人 (S)	青山クラブ	4	D4	D0	V5		D3	V5	2	0.40	17	17	0
田中 知樹	山梨JF	5	D2	D0	V5	V5		V2	3	0.60	14	18	-4
加藤 良成	はしまモア FC	6	D1	D0	V5	D1	D1		1	0.20	8	19	-11

14	Strip 1	Referee(s):
		森田 篤哉 (JPN)

Name	Affiliation	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
木村 泰悠	沼津FC	1		V5	D3	V5	V5	3	0.75	18	11	7
橋本 惇太郎	京都FFC	2	D1		D2	D0	V5	1	0.25	8	13	-5
日浦 維吹 (E)	青山クラブ	3	V5	V3		V5	V5	4	1.00	18	8	10
大野 達矢	さくらFC	4	D2	V2	D2		D1	1	0.25	7	15	-8
田中 悠貴	RITZ FA	5	D3	D3	D1	V5		1	0.25	12	16	-4



www.FencingTime.com

男子フルーレ

Seeding for Round #2 - DE

MF

Tournament: PROUD NUMAZU CUPフェンシング選手権小学生大会
Date: 2020年11月21日 - 12:45
FIE Document: FE_FIE_0008

Seed	Name	Club	Country	V	V/M	TS	TR	Ind	Notes
1	白男川 瞬	大阪読売千里クラブ		5	1.00	25	0	+25	Advanced
2T	幸田 朋優	KIRI.JR FT		5	1.00	25	2	+23	Advanced
2T	志賀 世怜 (S)	沼田FC		5	1.00	25	2	+23	Advanced
4T	田中 遼大 (S)	鳥取JFC		5	1.00	25	6	+19	Advanced
4T	前田 将志	東京ガーデンFC		5	1.00	25	6	+19	Advanced
6	平塚 葵温	大垣JFC		5	1.00	25	7	+18	Advanced
7T	加藤 琉亜	KIRI.JR FT		5	1.00	25	8	+17	Advanced
7T	二宮 遼仁	鹿児島JFC		5	1.00	25	8	+17	Advanced
9	安井 朱雀 (E)	柿の木台スケルマ		5	1.00	25	9	+16	Advanced
10	金井 惺 (E)	沼田FC		5	1.00	25	11	+14	Advanced
11	土田 悠人	RITZ FA		5	1.00	25	12	+13	Advanced
12	日浦 維吹 (E)	青山クラブ		4	1.00	18	8	+10	Advanced
13	井下 田ノア輝	ALAIN ESCRIME TEAM DE TOKYO		4	0.80	24	7	+17	Advanced
14	米山 伶旺	大垣JFC		4	0.80	23	9	+14	Advanced
15	布川 恵大	東京ガーデンFC		4	0.80	20	7	+13	Advanced
16	田代 圭 (S)	NEXUS FC		4	0.80	21	10	+11	Advanced
17	安西 一真	杉並ジュニアFT		4	0.80	22	12	+10	Advanced
18	安武 龍杜	鹿児島JFC		4	0.80	21	11	+10	Advanced
19T	安達 奏人	宇都宮FC		4	0.80	21	12	+9	Advanced
19T	鎌田 悠伸	鹿児島JFC		4	0.80	21	12	+9	Advanced
21	室伏 広容	さくらFC		4	0.80	20	13	+7	Advanced
22	飯村 要	京都FFC		4	0.80	20	14	+6	Advanced
23	渡辺 陽斗	大垣JFC		4	0.80	21	16	+5	Advanced
24	木村 泰悠	沼津FC		3	0.75	18	11	+7	Advanced
25	渡辺 裕	河南町FC		3	0.60	23	13	+10	Advanced
26	安西 笙真	杉並ジュニアFT		3	0.60	22	14	+8	Advanced
27T	金刺 慶一郎	東京ガーデンFC		3	0.60	19	11	+8	Advanced
27T	渡辺 陽成	大垣JFC		3	0.60	19	11	+8	Advanced
29T	村田 碧翔 (E)	鳥取JFC		3	0.60	22	16	+6	Advanced
29T	小久保 有唯 (S)	鳥羽FC		3	0.60	22	16	+6	Advanced
31	羽田 光洋	鹿児島JFC		3	0.60	21	15	+6	Advanced
32T	小野 佑嘉 (S)	JF大分		3	0.60	18	12	+6	Advanced
32T	奥山 壘 (E)	香川JFC		3	0.60	18	12	+6	Advanced
34	佐野 直太郎	沼津FC		3	0.60	20	15	+5	Advanced
35	浅海 結哉 (E)	埼玉エスクリム		3	0.60	18	13	+5	Advanced
36	松田 悠源	トウツティFC		3	0.60	17	12	+5	Advanced
37	三浦 聡介	東京YMCA		3	0.60	20	17	+3	Advanced
38	鈴木 諒 (E)	杉並ジュニアFT		3	0.60	17	16	+1	Advanced
39	稲葉 光	鳥羽FC		3	0.60	19	21	-2	Advanced
40	牧野 翼	大垣JFC		3	0.60	18	20	-2	Advanced
41T	田中 知樹	山梨JF		3	0.60	14	18	-4	Advanced
41T	風呂 陸斗	大阪読売千里クラブ		3	0.60	14	18	-4	Advanced
43	榎本 絃人 (S)	青山クラブ		2	0.40	17	17	0	Advanced
44	高橋 由宇 (S)	RITZ FA		2	0.40	14	14	0	Advanced
45	長浦 和希	京都FFC		2	0.40	19	20	-1	Advanced
46T	浅間 皇輝	トウツティFC		2	0.40	15	16	-1	Advanced
46T	臼井 俊太郎	大垣JFC		2	0.40	15	16	-1	Advanced
48	難波 周	トウツティFC		2	0.40	16	18	-2	Advanced
49	長嶋 翼	津・みえFC		2	0.40	18	21	-3	Advanced
50	吉永 虎大	鹿児島JFC		2	0.40	14	18	-4	Advanced
51	三浦 宗太郎	東郷FC		2	0.40	13	18	-5	Advanced
52	齋藤 柁羽	東京ガーデンFC		2	0.40	15	22	-7	Advanced
53	佐伯 真 (S)	沼田FC		2	0.40	13	20	-7	Advanced
54	ハロウス 祿	青山クラブ		2	0.40	12	20	-8	Advanced
55	畑 雄太	青山クラブ		2	0.40	12	21	-9	Advanced
56	田中 悠貴	RITZ FA		1	0.25	12	16	-4	Advanced
57	橋本 惇太郎	京都FFC		1	0.25	8	13	-5	Advanced
58	大野 達矢	さくらFC		1	0.25	7	15	-8	Advanced
59	河邊 大晟	京都きつず		1	0.20	18	23	-5	Advanced
60	根本 幹哉	大穴FC		1	0.20	13	19	-6	Eliminated
61	梅谷 倫	名電ジュニア		1	0.20	14	21	-7	Eliminated
62	山下 翔生	はしまモア FC		1	0.20	16	24	-8	Eliminated
63	馬淵 朝日	はしまモア FC		1	0.20	12	21	-9	Eliminated
64	後藤 満天	明石JFC		1	0.20	14	24	-10	Eliminated
65	日比 亮太郎	青山クラブ		1	0.20	12	22	-10	Eliminated
66	石田 望晟	RITZ FA		1	0.20	9	19	-10	Eliminated
67	加藤 良成	はしまモア FC		1	0.20	8	19	-11	Eliminated
68	衛藤 主税	JF大分		1	0.20	11	23	-12	Eliminated

Seed	Name	Club	Country	V	V/M	TS	TR	Ind	Notes
69T	牛村 和史	KIRI.JR FT		1	0.20	10	23	-13	Eliminated
69T	松尾 蘭之亮	京都FFC		1	0.20	10	23	-13	Eliminated
71	倉園 隼	鹿児島JFC		1	0.20	8	21	-13	Eliminated
72	鈴木 啓太郎 (E)	DFA		1	0.20	6	20	-14	Eliminated
73	浦田 璃音	大垣JFC		1	0.20	8	23	-15	Eliminated
74	山本 真士	大阪読売千里クラブ		1	0.20	8	24	-16	Eliminated
75	中野 考基	大阪読売千里クラブ		0	0.00	13	25	-12	Eliminated
76	石山 慶将 (E)	大穴FC		0	0.00	9	25	-16	Eliminated
77T	西川 尚希	東郷FC		0	0.00	8	25	-17	Eliminated
77T	宮浜 嘉惟	鳥羽FC		0	0.00	8	25	-17	Eliminated
79	仁司 次元 (E)	東郷FC		0	0.00	7	25	-18	Eliminated
80	高橋 航佑	明石JFC		0	0.00	6	25	-19	Eliminated
81	日比 俊太郎	青山クラブ		0	0.00	5	25	-20	Eliminated
82	山形 啓輔	青山クラブ		0	0.00	3	25	-22	Eliminated
83	菅家 知大 (E)	青山クラブ		0	0.00	0	25	-25	Eliminated

Table of 64

Table of 32

Table of 16

Table of 8

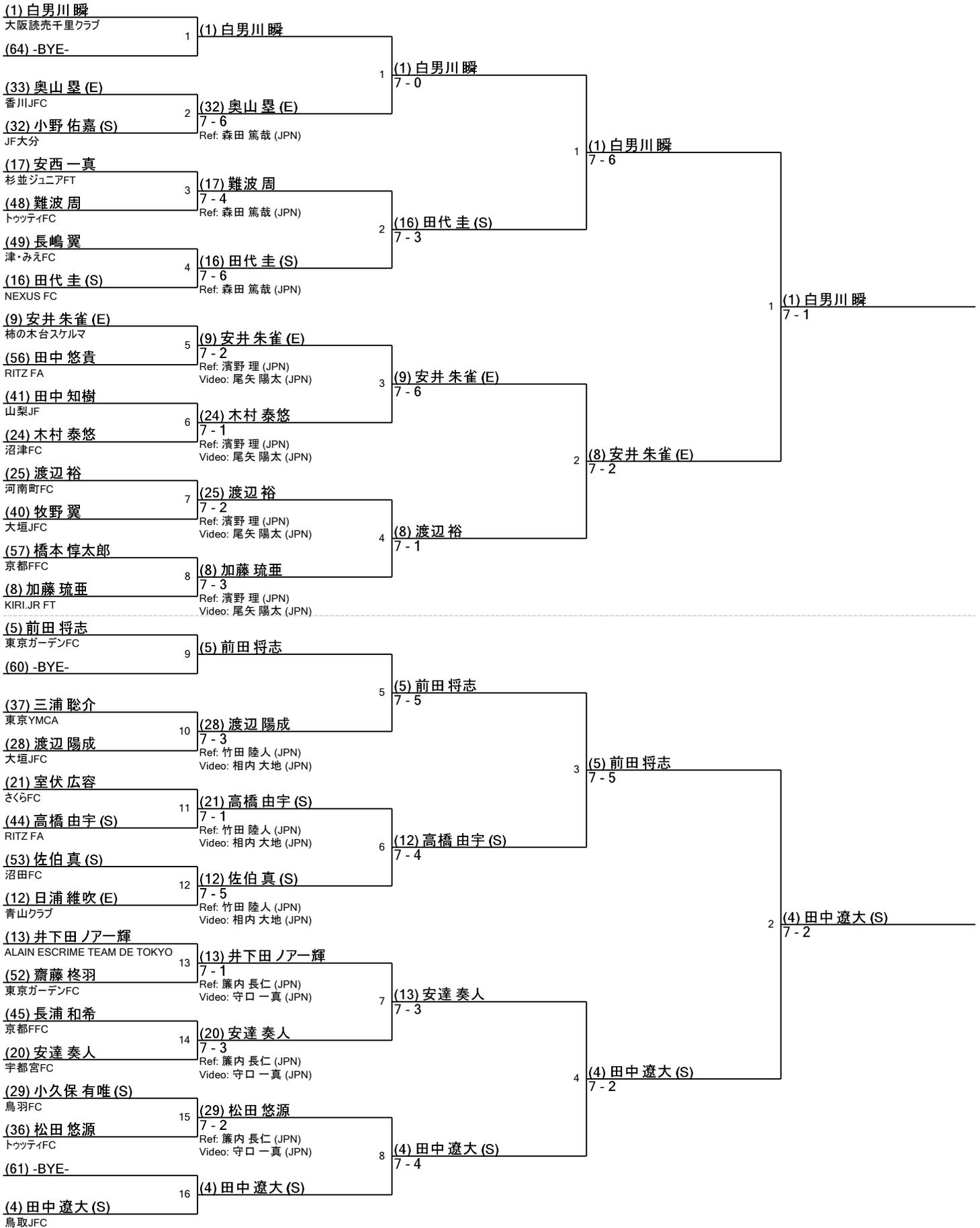
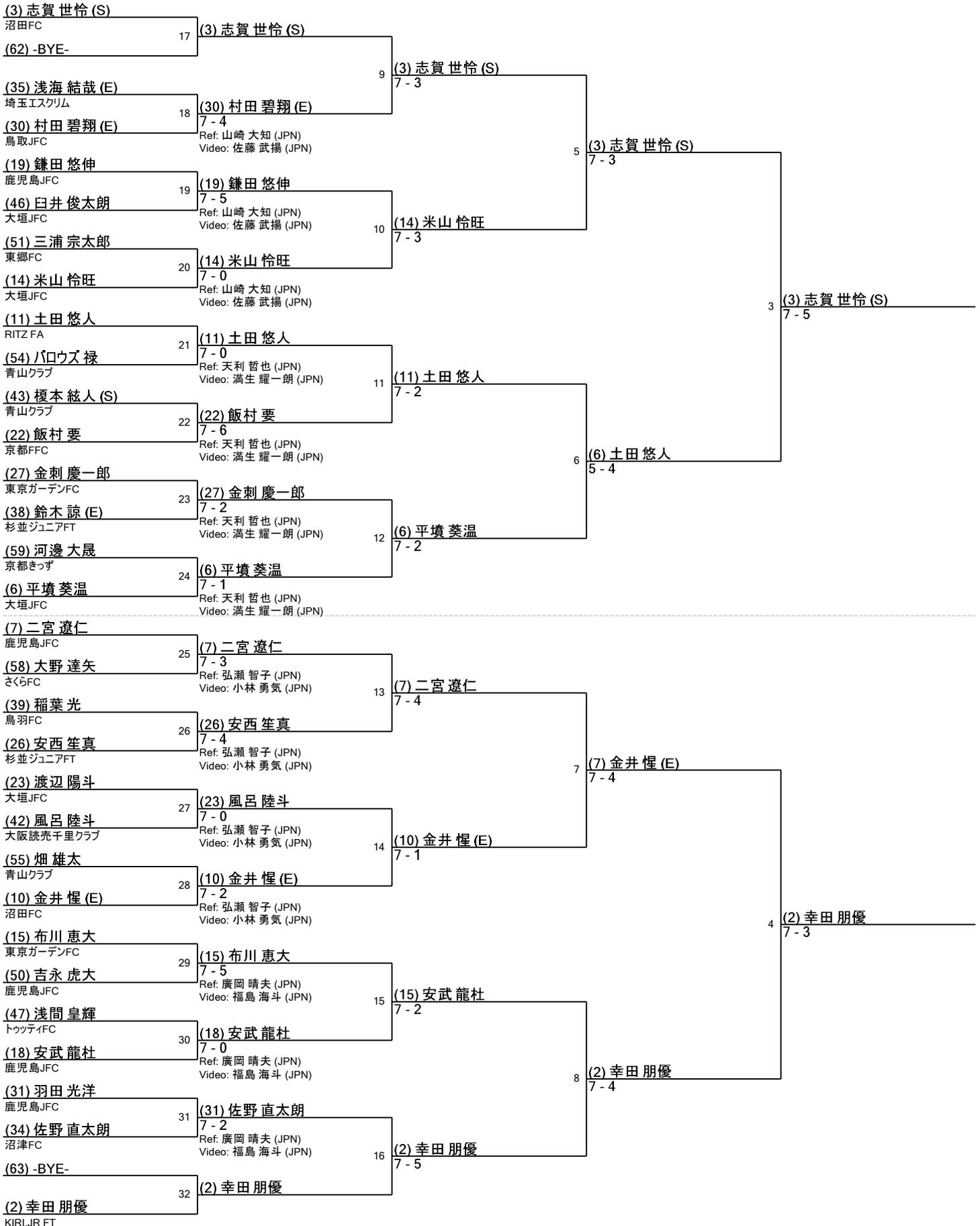


Table of 64

Table of 32

Table of 16

Table of 8







www.FencingTime.com

男子フルーレ

Final Ranking

MF

Tournament: PROUD NUMAZU CUPフェンシング選手権小学生大会
 Date: 2020年11月21日 - 12:45
 FIE Document: FE_FIE_0012

Place	Name	Clubs	Country
1	白男川 瞬	大阪読売千里クラブ	
2	志賀 世怜 (S)	沼田FC	
3T	幸田 朋優	KIRI.JR FT	
3T	田中 遼大 (S)	鳥取JFC	
5	前田 将志	東京ガーデンFC	
6	安井 朱雀 (E)	柿の木台スケルマ	
7	金井 惺 (E)	沼田FC	
8	土田 悠人	RITZ FA	
9	平塚 奏温	大垣JFC	
10	二宮 遼仁	鹿児島JFC	
11	米山 怜旺	大垣JFC	
12	田代 圭 (S)	NEXUS FC	
13	安武 龍杜	鹿児島JFC	
14	安達 奏人	宇都宮FC	
15	渡辺 裕	河南町FC	
16	高橋 由宇 (S)	RITZ FA	
17	加藤 琉亜	KIRI.JR FT	
18	井下田 ノア輝	ALAIN ESCRIME TEAM DE TOKYO	
19	布川 恵大	東京ガーデンFC	
20	鎌田 悠伸	鹿児島JFC	
21	飯村 要	京都FFC	
22	木村 泰悠	沼津FC	
23	安西 笙真	杉並ジュニアFT	
24T	金刺 慶一郎	東京ガーデンFC	
24T	渡辺 陽成	大垣JFC	
26	村田 碧翔 (E)	鳥取JFC	
27	奥山 壘 (E)	香川JFC	
28	佐野 直太郎	沼津FC	
29	松田 悠源	トゥッティFC	
30	風呂 陸斗	大阪読売千里クラブ	
31	難波 周	トゥッティFC	
32	佐伯 真 (S)	沼田FC	
33	日浦 維吹 (E)	青山クラブ	
34	安西 一真	杉並ジュニアFT	
35	室伏 広容	さくらFC	
36	渡辺 陽斗	大垣JFC	
37	小久保 有唯 (S)	鳥羽FC	
38	羽田 光洋	鹿児島JFC	
39	小野 佑嘉 (S)	JF大分	
40	浅海 結哉 (E)	埼玉エスクリム	
41	三浦 聡介	東京YMCA	
42	鈴木 諒 (E)	杉並ジュニアFT	
43	稲葉 光	鳥羽FC	
44	牧野 翼	大垣JFC	
45	田中 知樹	山梨JF	
46	榎本 絃人 (S)	青山クラブ	
47	長浦 和希	京都FFC	
48T	浅間 皇輝	トゥッティFC	
48T	臼井 俊太郎	大垣JFC	
50	長嶋 翼	津・みえFC	
51	吉永 虎大	鹿児島JFC	
52	三浦 宗太郎	東郷FC	
53	齋藤 柊羽	東京ガーデンFC	
54	ハロウス 祿	青山クラブ	
55	畑 雄太	青山クラブ	
56	田中 悠貴	RITZ FA	
57	橋本 惇太郎	京都FFC	
58	大野 達矢	さくらFC	
59	河邊 大晟	京都きっず	
60	根本 幹哉	大穴FC	
61	梅谷 倫	名電ジュニア	
62	山下 翔生	はしまモア FC	
63	馬淵 朝日	はしまモア FC	
64	後藤 満天	明石JFC	
65	日比 亮太郎	青山クラブ	
66	石田 望晟	RITZ FA	
67	加藤 良成	はしまモア FC	
68	衛藤 主税	JF大分	

Place	Name	Clubs	Country
69T	牛村 和史	KIRI.JR FT	
69T	松尾 蘭之亮	京都FFC	
71	倉園 隼	鹿児島JFC	
72	鈴木 啓太郎 (E)	DFA	
73	蒲田 璃音	大垣JFC	
74	山本 真士	大阪読売千里クラブ	
75	中野 考基	大阪読売千里クラブ	
76	石山 慶将 (E)	大穴FC	
77T	西川 尚希	東郷FC	
77T	宮浜 嘉惟	鳥羽FC	
79	仁司 次元 (E)	東郷FC	
80	高橋 航佑	明石JFC	
81	日比 俊太郎	青山クラブ	
82	山形 啓輔	青山クラブ	
83	菅家 知大 (E)	青山クラブ	



www.FencingTime.com

男子フルーレ

Referee Activity Report for 男子フルーレ

Tournament: PROUD NUMAZU CUPフェンシング選手権小学生大会
Date: 2020年11月21日 - 12:45
FIE Document: FE_FIE_0017

MF

Name	Country	FJE Rating	Member #	Pool	Table of 64	Table of 32	Table of 16	Table of 8	Semi-Finals	Finals
弘瀬 智子	JPN			Ref: 1	Ref: 4					
佐藤 武揚	JPN			Ref: 1	Video: 3					
山崎 大知	JPN			Ref: 1	Ref: 3					
守口 一真	JPN			Ref: 2	Video: 3					
小林 勇氣	JPN			Ref: 2	Video: 4					
森田 篤哉	JPN			Ref: 2	Ref: 3					
相内 大地	JPN				Video: 3					
竹田 陸人	JPN			Ref: 1	Ref: 3				Ref: 1	
天利 哲也	JPN			Ref: 2	Ref: 4					
尾矢 陽太	JPN			Ref: 2	Video: 4					
福島 海斗	JPN			Ref: 2	Video: 3					
満生 耀一朗	JPN			Ref: 1	Video: 4					
藤内 長仁	JPN				Ref: 3				Ref: 1	
廣岡 晴夫	JPN			Ref: 2	Ref: 3					
濱野 理	JPN			Ref: 1	Ref: 4					Ref: 1